

Bản án số: **90/2017/DS - ST**.

Ngày: 28/12/2017.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Xương**.

2. Ông **Huỳnh Khởi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Diễn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2017/TLST - DS, ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2017/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

* Bị đơn:

1/. Ông Thiệu Hoàng G; *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn G:* Bà Hà Thị Ngọc B (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2017)

2/. Bà Hà Thị Ngọc B

Cùng địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng tạm trú: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, biên bản lấy khai ngày 24/11/2017 và biên bản hòa giải các ngày 24/11/2017, ngày 04/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Vào ngày 04/10/2016ÂL, vợ chồng ông

Thieu Hoàng G và bà Hà Thị Ngọc B có vay của bà T 15 chỉ vàng 24k, 50.000.000 đồng vốn, không tính lãi, thời gian vay là một tháng sẽ trả lại số vàng và tiền trên, hai bên có làm giấy tay. Sau khi vay, vợ chồng ông G, bà B có trả cho bà T hai lần vốn với số tiền 8.000.000 đồng, số còn lại không có trả vốn cho bà T đến nay.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông G và bà B hoàn trả 15 chỉ vàng 24k vốn và 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả đủ trong thời gian 01 tháng.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 24/11/2017, biên bản hòa giải ngày 04/12/2017 và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị Ngọc B trình bày: Bà B thừa nhận vào ngày 04/10/2016 ÂL vợ chồng bà B có vay của bà T 15 chỉ vàng 24k và 50.000.000 đồng, có làm giấy nợ. Sau khi vay, vợ chồng B có trả cho bà T hai lần vốn là 8.000.000 đồng, số còn lại không có trả đến nay.

Nay bà B đồng ý trả cho bà T 15 chỉ vàng 24k và 42.000.000 đồng vốn và xin trả vàng, tiền hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2017, bị đơn ông Thieu Hoàng G trình bày: Ông G thừa nhận vào ngày 04/10/2016 ÂL vợ chồng ông G có vay của bà T 15 chỉ vàng 24k và 50.000.000 đồng, có làm giấy nợ. Sau khi vay, vợ chồng ông G có trả cho bà T hai lần vốn là 8.000.000 đồng, số còn lại không có trả đến nay.

Nay ông G đồng ý cùng bà B trả cho bà T 15 chỉ vàng 24k và 42.000.000 đồng vốn và xin trả vàng, tiền hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466 khoản và Điều 470 khoản 1 BLDS; xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Giữa bà Phạm Thị T; bà Hà Thị Ngọc B và ông Thieu Hoàng G có thỏa thuận cho vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do bà T, B và ông G cùng cư trú trên địa bàn huyện K, nên Tòa án nhân dân

huyện K thụ lý vụ kiện về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Bà Phạm Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện này là giấy cho mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy việc cho vay này đã được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận tổng cộng 15 chỉ vàng 24k và 53.500.000 đồng của bà B và ông G, nên các văn bản này có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho bà B và ông G, nhưng bà B có ý kiến việc vay của bà T 02 lần tiền là 50.000.000 đồng và 02 lần vàng là 15 chỉ vàng 24k, đã đóng lãi của số tiền tổng cộng 81.000.000 đồng, của số vàng là 12.750.000 đồng, việc đóng lãi của số tiền và vàng cho bà T không ai biết, chỉ có bà B và bà T biết và bà B không đưa chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi của số vàng và tiền trên. Tại các tài liệu có trong hồ sơ và tại tòa bà B đồng ý trả cho bà T 42.000.000 đồng (đã trả trước 11.500.000 đồng) và 15 chỉ vàng 24k vốn. Còn ông G thì tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/12/2017 thì ông G thừa nhận hiện nay còn nợ bà T 15 chỉ vàng 24k và 42.000.000 đồng vốn; nhưng bà B và ông G xin trả số tiền, vàng trên hàng tháng là 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Như vậy có căn cứ để xác định bà B, ông G còn nợ bà T 15 chỉ vàng 24k, 42.000.000 đồng vốn, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu của bà B và ông G cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông, bà trả hàng tháng 500.000 đồng cho bà T đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của ông G và bà B không được bà T đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Do bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà B và ông G có trách nhiệm trả cho bà T 15 chỉ vàng 24k và 42.000.000 đồng.

[5]. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà B và ông G phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là $[(15 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.465.900 \text{ đ}/01 \text{ chỉ vàng } 24k = 51.988.500 \text{ đ}) + 42.000.000 \text{ đ} = 93.988.500 \text{ đ}] = 4.699.425 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Xử buộc bà Hà Thị Ngọc B và ông Thiệu Hoàng G do bà B đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị T 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24k hoặc bằng tiền tương đương lúc thi hành án và 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng tiền vốn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà B và ông G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Hà Thị Ngọc B và ông Thiệu Hoàng G phải **chịu 4.699.425 đồng**;

2.2. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009386, ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn G có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng